

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2021

V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Ông Tô Ngọc Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ngọc N, sinh năm 1988; địa chỉ: số 194/1, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Thái Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: số 194/1, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có yêu cầu xét xử vắng mặt);

3.2 Ông Đặng Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ: số 194/1, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh P tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến đầu năm 2021 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống từ đó đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh P. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014. Con chung do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng do tính chất công việc từ trước đến nay đều đi làm xa nên chị có gửi cho cha mẹ ruột là ông Đặng Văn H và bà Thái Thị N chăm sóc. Nhưng chị vẫn thường xuyên về thăm, chăm sóc con. Con chị hiện nay được đi học và phát triển bình thường về mặt thể chất, lẫn tinh thần. Thu nhập bình quân của chị từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng, chị xác định đảm bảo lo cho con chung. Con chị hiện nay có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của vợ (N) về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thời gian không còn chung sống. Nay, đối với yêu cầu ly hôn của vợ, anh đồng ý. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014. Con chung do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc dù, hiện nay cháu K có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, nhưng thu nhập của chị N thấp hơn của anh (thu nhập của anh hơn 40.000.000 đồng/tháng), chị N lại phải lo cho gia đình nên không đảm bảo việc nuôi con. Hơn nữa, sau thời gian cháu K sống chung với N và bên ngoại, cháu K có biểu hiện ngại tiếp xúc với cha, cha hỏi không trả lời. Mặt khác, hiện nay bà ngoại cháu K đang nợ nhiều người (do cờ bạc) nên anh sợ ảnh hưởng đến con anh. Do đó, khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H, bà Thái Thị N trình bày: Ông, bà là cha mẹ ruột của N, còn P là con rể. Việc mâu thuẫn giữa N và P thì ông, bà có khuyên các con nhiều lần, nhưng đến nay thì N, P đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án thì ông, bà không có ý kiến, tùy N, P quyết định. Đối với con chung

của N và P là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014 thì ông, bà cho rằng, khi N và P kết hôn, thì N, P đi làm và sinh sống tại tỉnh Bình Dương, khi N mang thai cháu K, sắp sinh thì về nhà ông, bà để sinh sống cho đến khi sinh cháu K được 05 tháng tuổi thì N trở lại tỉnh Bình Dương đi làm và mang theo cháu K thì bà N có theo sống chung với N, P để chăm sóc cho cháu. Đến khi cháu K được 09 tháng thì bà N mang cháu về nhà (tỉnh Sóc Trăng) chăm sóc cho đến nay. Vợ chồng N, P vẫn làm ở tỉnh Bình Dương, thỉnh thoảng H vợ chồng có về tỉnh Sóc Trăng thăm cháu, khi rảnh rỗi vợ chồng ông, bà mang cháu K lên chơi với cha mẹ ở tỉnh Bình Dương. Do đó, từ thời điểm đó đến nay cháu K do vợ chồng ông, bà chăm sóc nuôi dưỡng, kể cả trong thời gian N, P xảy ra mâu thuẫn. Ông, bà xác định chỉ phụ giúp N chăm sóc cháu K, để N có thời gian đi làm tạo thêm thu nhập lo cho con. Trường hợp, Tòa án có quyết định giao cháu K cho N hoặc P chăm sóc, nuôi dưỡng, thì vợ chồng ông, bà cũng đồng ý mà không có ý kiến tranh chấp. Tuy nhiên, ông, bà đề nghị Tòa án có xem xét về nguyện vọng của cháu K muốn sống chung với mẹ, cũng như việc cháu từ trước đến nay đều quen với môi trường sống chung với ông, bà ngoại, với mẹ.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc N và ông Nguyễn Thanh P, tự tìm hiểu và kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 03/6/2011 tại UBND xã M. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm, phát sinh mâu thuẫn do thời gian chung sống, vợ chồng thường bất hòa do không cùng quan điểm sống và không hàn gắn được. Nay, bà N yêu cầu ly hôn, ông P đồng ý nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014. Đang sống với bà N, cả H đều có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên đủ 07 tuổi cần xem xét đến nguyện vọng của con và điều kiện chăm sóc của cha hoặc mẹ. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu K, có nguyện vọng sống cùng với bà N, về điều kiện chăm sóc, tuy bà N là công nhân thu nhập khoảng 25.000.000 đồng/tháng nhưng thời gian sống cùng bà N, cháu K được chăm sóc phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và được đi học nên tình cảm của cháu K đã gắn liền với bà N nên cần ổn định cuộc sống của cháu K tiếp tục giao cháu cho bà N chăm sóc nuôi dưỡng. Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xem xét:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị Ngọc N và ông Nguyễn Thanh P.

- Bà Đặng Thị Ngọc N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014. Ông Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đặng Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh P, anh P có nơi cư trú ấp P, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H, bà Thái Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thanh P được Tòa án triệu tập hợp đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh P, ông H và bà N là có căn cứ.

[3] Chị Đặng Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh P. Chị N và anh P có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N, anh P cùng thống nhất do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N, anh P thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để chị N, anh P hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng chị N, anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N, anh P cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị N, anh P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức, xã hội. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh P.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N, anh P xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014. Hiện do ông Đặng Văn H, bà Thái Thị N là ông, bà ngoại của cháu K chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N, anh P đều có yêu cầu được nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N, anh P đều cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập của anh, chị là đủ đảm bảo cuộc sống cho cháu K, chị N cho rằng, do tính chất công việc phải làm xa nhà nên chị gửi cháu K cho ông, bà ngoại của cháu chăm sóc, nuôi dưỡng,

nhưng với thu nhập của chị đảm bảo cuộc sống cho cháu K, hiện nay, cháu K vẫn được đi học, vẫn phát triển bình thường về thể chất, lẫn tinh thần và chị thường xuyên về nhà để chăm sóc cháu. Anh P cho rằng, thu nhập của anh hơn 40.000.000 đồng/tháng cao hơn thu nhập của chị N, trong khi đó thu nhập của chị N thấp hơn của anh mà còn phải phải lo cho gia đình nên không đảm bảo việc nuôi con. Hơn nữa, sau thời gian cháu K sống chung với N và bên ngoại của cháu K thì cháu K có biểu hiện ngại tiếp xúc với cha (cha hỏi không trả lời). Mặt khác, hiện nay bà ngoại cháu K đang nợ nhiều người (do cờ bạc) nên anh sợ ảnh hưởng đến cháu K nên anh yêu cầu được nuôi cháu K. Xét thấy, để bảo vệ cho lời trình bày của mình là có căn cứ thì đương sự phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng anh P không chứng minh được việc chị N nuôi dạy con chung không tốt, cháu K có biểu hiện ngại tiếp xúc với anh. Trong khi đó, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu thì cháu vẫn được đi học và có nguyện vọng được sống cùng mẹ nếu trong trường hợp chị N, anh P không còn chung sống. Điều đó cho thấy, cháu K vẫn phát triển bình thường về thể chất, lẫn tinh thần, không có những biểu hiện như anh P trình bày. Chỉ N, anh P đều cung cấp chứng cứ chứng minh cho thu nhập của chị N, anh P là bảo đảm chăm lo cuộc sống cho cháu K. Tuy nhiên, việc giao con chưa thành niên cho mẹ hoặc cha chăm sóc, nuôi dưỡng thì Hội đồng xét xử xem xét về lợi ích mọi mặt của cháu, cần phải tạo điều kiện cho sự phát triển về thể chất, lẫn tinh thần, bảo đảm việc học hành và ổn định cuộc sống của cháu K. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy, giao cháu K cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng và phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu.

Đối với ông H, bà N là người đang chăm sóc cháu K. Trong quá trình giải quyết, ông, bà xác định ông, bà chỉ là người giữ hộ cháu K cho chị N, anh P. Trường hợp, Tòa án quyết định giao cháu K cho chị N hoặc anh P chăm sóc, nuôi dưỡng thì ông, bà đồng ý giao cháu K theo quyết định của Tòa án, ông, bà không tranh chấp. Do đó, có cơ để Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông, bà. Theo đó, ông H, bà N giao cháu K cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị N, anh P cùng thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị N, anh P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Ngọc N đối với anh Nguyễn Thanh P.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Ngọc N với anh Nguyễn Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 6 năm 2011 cho chị Đặng Thị Ngọc N và anh Nguyễn Thanh P không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị Ngọc N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014 (hiện do ông Đặng Văn H, bà Thái Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn H, bà Thái Thị N giao cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 06/4/2014 cho chị Đặng Thị Ngọc N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đặng Thị Ngọc N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thanh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Đặng Thị Ngọc N và anh Nguyễn Thanh P xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị N và anh P phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Đặng Thị Ngọc N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0006193 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 16/3/2021. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

